


PHỤ LỤC 17

(Kèm theo Thông tư số 28/2010/TT-BCT ngày 28 tháng 6 năm 2010 của Bộ Công Thương)

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

SODIUM THIOSULFATE PENTAHYDRATE

Phiếu an toàn hóa chất	Logo của doanh nghiệp
Số CAS: 7772-98-7 Số UN: Số đăng ký EC: 231-867-5 Số chỉ thị nguy hiểm của các tổ chức xếp loại (nếu có): Số đăng ký danh mục Quốc gia khác (nếu có):	

I. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT

Tên thường gọi của chất: sodium thiosulphate	Mã sản phẩm (nếu có)
Tên thương mại: sodium thiosulphate	
Tên khác (không là tên khoa học)	
Tên nhà cung cấp hoặc nhập khẩu, địa chỉ:	Địa chỉ liên hệ trong trường hợp khẩn cấp: CÔNG TY TNHH TM DV XNK KHÁNH AN SÀI GÒN 30/17 Đường HT31, KP01, p.Hiệp Thành, Quận 12, TP HCM Điện thoại: (08).6683.3399 – 6683.4499
Tên nhà sản xuất và địa chỉ:	
Mục đích sử dụng: được sử dụng phân tích hóa độc chất môi trường trong phòng thí nghiệm	

II. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN CÁC CHẤT

Thành phần	Số CAS	Công thức hóa học	Hàm lượng (% theo trọng lượng)
Sodium Thiosulphate	7772-98-7	Na ₂ S ₂ O ₃	100

III. NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT

1. Mức xếp loại nguy hiểm (theo số liệu hợp lệ có sẵn của các quốc gia, tổ chức thử nghiệm. Ví dụ: EU, Mỹ, OSHA...):

2. Cảnh báo nguy hiểm

- Cháy, nổ hoặc độc khi tiếp xúc;
- Ô xy hóa mạnh, ăn mòn mạnh, biến đổi tế bào gốc, độc cấp tính mãn tính đối với môi trường thủy sinh;
- Lưu ý khi tiếp xúc, bảo quản, sử dụng.

3. Các đường tiếp xúc và triệu chứng

- Đường mắt: Có thể gây kích ứng mắt
- Đường thở: Có thể gây kích đường hô hấp
- Đường da: Có thể gây kích ứng da
- Đường tiêu hóa: Có thể gây kích ứng đường tiêu hóa

IV. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

1. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường mắt (bị văng, dây vào mắt):

Kiểm tra và loại bỏ bất kỳ kính áp tròng. Trong trường hợp tiếp xúc, ngay lập tức rửa mắt với nhiều nước trong ít nhất 15 Phút. Nhận chăm sóc y tế.

2. Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da (bị dây vào da):

Trong trường hợp tiếp xúc, ngay lập tức dội da với nhiều nước. Che phủ bề mặt da mẫn ngứa với chất làm mềm da. Hủy bỏ bị ô nhiễm Quần áo và giày dép. Rửa quần áo trước khi sử dụng lại. Giặt sạch giày trước khi sử dụng lại. Nhận chăm sóc y tế.

Rửa bằng xà phòng khử trùng và che da bị nhiễm trùng bằng kem chống khuẩn. Tìm kiếm sự chăm sóc y tế.

3. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp (hít thở phải hóa chất nguy hiểm dạng hơi, khí)

Nếu hít phải, loại bỏ không khí trong lành. Nếu không thở, hãy hô hấp nhân tạo. Nếu việc thở gặp khó khăn, hãy lấy thêm khí oxy.

4. Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa (ăn, uống nuốt nhầm hóa chất)

Tránh để nạn nhân nôn mửa trừ khi có sự trợ giúp của y tế, không bao giờ cho bất cứ điều gì bằng miệng đến bất tỉnh người. Nếu nuốt phải một lượng lớn vật liệu này, hãy gọi bác sĩ ngay lập tức. Nói lỏng quần áo chặt chẽ như cổ áo, thắt lưng hoặc dây đai.

5. Lưu ý đối với bác sĩ điều trị (nếu có)

V. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN

1. **Xếp loại về tính cháy** (dễ cháy, rất dễ cháy hoặc cực kỳ dễ cháy, không cháy, khó cháy...): không cháy

2. **Sản phẩm tạo ra khi bị cháy:** khi nung phân hủy sodium thiosulfate pentahydrate sẽ tạo ra khói độc sulfur oxide và hydrogen sulfide.

3. **Các tác nhân gây cháy, nổ** (tia lửa, tĩnh điện, nhiệt độ cao, va đập, ma sát ...): không áp dụng

4. **Các chất dập cháy thích hợp và hướng dẫn biện pháp chữa cháy, biện pháp kết hợp khác :** không áp dụng

5. **Phương tiện, trang phục bảo hộ cần thiết khi chữa cháy:** Sử dụng phương tiện dập tắt lửa phù hợp

6. **Các lưu ý đặc biệt về cháy, nổ** (nếu có)

VI. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

1. Khi tràn đổ, rò rỉ ở mức nhỏ

Sử dụng dụng cụ thích hợp xúc bỏ hóa chất đổ rơi vào thùng rác, lau sạch bằng nước trên bề mặt bị nhiễm bẩn và thải bỏ theo qui định của pháp luật.

2. Khi tràn đổ, rò rỉ lớn ở diện rộng

Sử dụng xẻng xúc bỏ hóa chất vào thùng chứa chất bỏ, lau sạch bề mặt bị nhiễm bẩn và có thể đổ tràn tới hệ thống cống thải.

VII. YÊU CẦU VỀ CẤT GIỮ

1. **Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm** (thông gió, chỉ dùng trong hệ thống kín, sử dụng thiết bị điện phòng nổ, vận chuyển nội bộ...)

Hãy giữ chặt. Không hít bụi. Mang quần áo bảo hộ phù hợp. Trong trường hợp không thông gió, mặc phù hợp thiết bị hô hấp. Nếu bạn cảm thấy không khỏe, tìm sự chăm sóc y tế và hiển thị nhãn khi có thể. Tránh tiếp xúc với da và mắt. Giữ xa các chất không tương thích như các chất oxy hoá.

2. **Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản** (nhiệt độ, cách sắp xếp, các hạn chế về nguồn gây cháy, nổ, các chất cần tránh bảo quản chung...)

Giữ bình chứa kín. Giữ bình chứa trong khu vực thoáng mát, thông gió tốt. Không lưu trữ trên 25°C (77°F).

VIII. TÁC ĐỘNG LÊN NGƯỜI VÀ YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

1. **Các biện pháp hạn chế tiếp xúc cần thiết** (thông gió hoặc biện pháp giảm nồng độ hơi, khí trong khu

vực làm việc, các biện pháp cách ly, hạn chế thời giờ làm việc ...)

Sử dụng thùng quy trình, thông gió thải cục bộ hoặc các công cụ kiểm soát kỹ thuật khác để giữ mức không khí dưới mức khuyến cáo giới hạn phơi nhiễm. Nếu hoạt động của người sử dụng tạo ra bụi, khói hoặc sương, sử dụng thông gió để tiếp xúc với chất gây ô nhiễm không khí dưới giới hạn phơi nhiễm.

2. Các phương tiện bảo hộ cá nhân khi làm việc

Kính, áo khoác phòng thí nghiệm. Mặt nạ phòng bụi. Hãy chắc chắn sử dụng khẩu trang đã được phê duyệt / chứng nhận hoặc tương đương. Găng tay.

3. Phương tiện bảo hộ trong trường hợp xử lý sự cố

Kính, quần áo bảo hộ đầy đủ, phù hợp. Mặt nạ phòng bụi. Giày ủng. Găng tay. Cần phải sử dụng bộ máy thở tự chứa để tránh hít phải sản phẩm. Quần áo bảo hộ đề nghị có thể không đủ; Tham khảo ý kiến của một chuyên gia trước khi xử lý này sản phẩm.

4. Các biện pháp vệ sinh (tắm, khử độc...)

IX. ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT

Trạng thái vật lý: rắn (bột rắn)	Điểm sôi (0C): >100°C
Màu sắc: không màu, trắng	Điểm nóng chảy (0C): 48°C
Mùi đặc trưng: không mùi	Điểm bùng cháy (°C) (Flash point) theo phương pháp xác định: không áp dụng
Áp suất hóa hơi (mm Hg) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn: chưa có thông tin	Nhiệt độ tự cháy (°C): không áp dụng
Tỷ trọng hơi (Không khí = 1) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn : chưa có thông tin	Giới hạn nồng độ cháy, nổ trên (% hỗn hợp với không khí): chưa có thông tin
Độ hòa tan trong nước: không tan trong nước lạnh	Giới hạn nồng độ cháy, nổ dưới (% hỗn hợp với không khí): chưa có thông tin
Độ PH : không áp dụng	Tỷ lệ hóa hơi: chưa có thông tin
Khối lượng riêng (kg/m ³):	Các tính chất khác nếu có

X. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG HOẠT ĐỘNG CỦA HÓA CHẤT

1. Tính ổn định (độ bền nhiệt, độ nhạy với tác nhân ma sát, va đập...); sản phẩm ổn định

2. Khả năng phản ứng:

- Phản ứng phân huỷ và sản phẩm của phản ứng phân huỷ: Carbon monoxide, oxit của lưu huỳnh, cacbon dioxit, natri oxit.

- Các phản ứng nguy hiểm (ăn mòn, cháy, nổ, phản ứng với môi trường xung quanh) : nhiệt độ cao, vật liệu không tương thích, ánh sáng, tiếp xúc với không khí ẩm, hơi nước.

- Không ăn mòn khi có sự hiện diện của thủy tinh.

- Tác nhân oxi hóa mạnh, chất oxi hóa mạnh, axit, clorat.

- Sodium thiosulfate pentahydrate là chất khử mạnh có thể phản ứng với các tác chất oxi hóa. Phản ứng với axit sẽ tạo ra sulfur dioxide. Sodium thiosulfate ngậm nước nên khi sấy bằng khí khô ẩm thăng hoa và mất nước ở 100oC. Không tương thích với các chất như iodine, axit, chì, thủy ngân, và muối bạc, halogen. Do là hóa chất hút ẩm nên cần giữ trong thùng kín, ngăn hơi ẩm.

XI. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

1. Các ảnh hưởng mãn tính với người (Ung thư, độc sinh sản, biến đổi gen ...)

Tác động gây ung thư: A4 (Không phân loại cho người hoặc động vật.) bởi ACGIH

Tác động gây ung thư: 3 (Không phân loại cho con người) bởi IARC.

Đột biến đối với tế bào soma của động vật có vú. Đột biến cho vi khuẩn và / hoặc nấm men. Có thể

làm hồng các cơ quan sau: đường hô hấp trên, da.

2. Các ảnh hưởng độc khác

Nguy hiểm trong trường hợp tiếp xúc với da (kích thích), ăn uống, hít phải.

Da: có thể gây viêm da nhạy cảm

XII. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

1. **Độc tính với sinh vật:** Không có sẵn

2. **Tác động trong môi trường**

- Mức độ phân hủy sinh học: không có sẵn

- Chỉ số BOD và COD: không có sẵn

- Sản phẩm của quá trình phân hủy sinh học: sản phẩm suy thoái ngắn hạn có thể xảy ra

- Mức độ độc tính của sản phẩm phân hủy sinh học: sản phẩm chính và sản phẩm phân hủy không độc

XIII. YÊU CẦU TRONG VIỆC THẢI BỎ

1. **Thông tin quy định tiêu hủy** (thông tin về luật pháp)

Chất thải phải được xử lý phù hợp với kiểm soát môi trường của liên bang, tiểu bang và địa phương.

2. **Xếp loại nguy hiểm của chất thải**

3. **Biện pháp tiêu hủy**

4. **Sản phẩm của quá trình tiêu hủy, biện pháp xử lý**

XIV. YÊU CẦU TRONG VẬN CHUYỂN

Tên quy định	Số UN	Tên vận chuyển đường biển	Loại, nhóm hàng nguy hiểm	Quy cách đóng gói	Nhãn vận chuyển	Thông tin bổ sung
Quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm của Việt Nam: - Nghị định số 104/2009/NĐ-CP ngày 09/11/2009 của CP quy định Danh mục hàng nguy hiểm và vận chuyển hàng nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ; - Nghị định số 29/2005/NĐ-CP ngày 10/3/2005 của CP quy định Danh mục hàng hóa nguy hiểm và việc vận tải hàng hóa nguy hiểm trên đường thủy nội địa.						
Quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm quốc tế của EU, USA...						

XV. QUY CHUẨN KỸ THUẬT VÀ QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT PHẢI TUÂN THỦ

1. Tình trạng khai báo, đăng ký ở các quốc gia khu vực trên thế giới (liệt kê các danh mục quốc gia đã tiến hành khai báo, tình trạng khai báo)

2. Phân loại nguy hiểm theo quốc gia khai báo, đăng ký

3. Quy chuẩn kỹ thuật tuân thủ

Tuân thủ theo Luật 06/2007/QH12 ngày 21 tháng 11 năm 2007. Điều 25 và Điều 35: Xử lý, thải bỏ hóa chất tồn dư, chất thải và dụng cụ hóa chất.

XVI. THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC

Ngày tháng biên soạn Phiếu: 10-09-2016

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 21-02-2018

Tên tổ chức, cá nhân soạn thảo: Công ty TNHH TM DV XNK Khánh An Sài Gòn

Lưu ý người đọc:

Những thông tin trong Phiếu an toàn hóa chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hóa chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn.

Hóa chất nguy hiểm trong Phiếu này có thể có những tính chất nguy hiểm khác tùy theo hoàn cảnh sử dụng và tiếp xúc